

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-6-2024

V/v "Tranh chấp

Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Ông Nguyễn Quang Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện VKSND thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2024 về "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Phù Tài, xã Tiên Sơn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Phù Tài, xã Tiên Sơn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Hiện ở: Thôn Xuân Minh, xã Hương M, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Tại đơn xin ly hôn đề ngày 01/11/2023, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên) năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau luôn tại gia đình nhà anh. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M đi làm công ty có phát sinh quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, khi phát hiện ra sự việc đó thì anh đã nhiều lần nói chuyện và khuyên bảo chị M nhưng không được. Anh cũng sang nhà bố mẹ anh nói chuyện với bố mẹ

đề động viên chị M từ bỏ mối quan hệ đó để vợ chồng chung sống cùng nuôi dạy con chung nhưng chị M vẫn không thay đổi. Chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Xuân Minh, xã Hương M, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên) từ năm 2018. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không quan tâm tới nhau, chấm dứt quan hệ vợ chồng. Ban đầu thì anh cũng gọi điện và động viên chị M về đoàn tụ nhưng chị M không về. Về sau thì anh cũng không gọi điện hay liên lạc cho chị M nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị M được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tú Anh, sinh ngày 08/12/2011 và Nguyễn Thành Luân, sinh ngày 25/9/2013. Hiện hai con chung đang ở cùng anh từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, được học hành phát triển bình thường. Chị M ít khi quan tâm hay thăm hỏi gì đến các con, năm nay thì có gửi tiền cho anh đóng học cho con, còn từ trước đến nay chỉ mình anh nuôi dưỡng và chăm sóc con. Cháu Tú Anh đang học lớp 7E tại Trường THCS Tiên Sơn, còn cháu Luân đang học lớp 5D trường Tiểu học Tiên Sơn. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm nghề xây dựng tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Anh sống chung cùng bố mẹ anh tại thôn Phù Tài, xã Tiên Sơn có chỗ ăn ở đảm bảo sự phát triển của các cháu, khi đi làm có bố mẹ phụ giúp.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức, ruộng đất: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị M tại bản tự khai có trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên), sau khi kết hôn chị về nhà anh T ở, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường, đến đầu năm 2017 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau, không chung sống cùng nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết chị và anh T ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Tú Anh, sinh ngày 08/12/2011 và Nguyễn Thành Luân, sinh ngày 25/9/2013, hiện tại hai cháu đang ở với anh T, chị và anh T có trao đổi thống nhất để các con sống chung và đều có trách nhiệm nuôi dưỡng các con và nếu sau này anh T không muốn nuôi con thì chị mong muốn được đón các con về sống chung với chị, chị hiện đang làm phiên dịch lương 40.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện khả năng nuôi các con.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức, ruộng đất: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa*

nguyên đơn anh T, bị đơn chị M có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Tú Anh, sinh ngày 08/12/2011 và Nguyễn Thành Luân, sinh ngày 25/9/2013. Vấn đề cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp ly hôn và con chung giữa anh T và chị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị M có nơi ĐKKHKT: Thôn Phù Tài, xã Tiên Sơn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và hiện ở: Thôn Xuân Minh, xã Hương M, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh T, bị đơn chị M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị M.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh T và chị M xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên) làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị M có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh T, chị M đều xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ lâu không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau và không còn tình cảm.

Tại biên bản làm việc với gia đình chị M cũng xác định vợ chồng anh T, chị M có xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống nhiều năm nay, gia đình cũng hòa giải nhiều lần để vợ chồng chị M, anh T về đoàn

tự nhưng không thành. Xét mâu thuẫn giữa anh T, chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh T, chị M xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tú Anh, sinh ngày 08/12/2011 và Nguyễn Thành Luân, sinh ngày 25/9/2013, hiện tại hai con chung đang ở với anh T. Ly hôn anh T nhận nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm nghề xây dựng tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, anh đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho cháu Anh, cháu Luân học hành phát triển bình thường. Tại bản tự khai của cháu Anh, cháu Luân đều có nguyện vọng được ở với bố, tại bản tự khai chị M cũng đồng ý để anh T nuôi dưỡng con chung. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy anh T có thu nhập, có đủ điều kiện để chăm sóc con chung và nuôi các cháu học hành phát triển bình thường nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của anh T và giao cháu Anh, cháu Luân cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Anh, cháu Luân. Sau khi ly hôn chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh T, chị M xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Tú Anh, sinh ngày 08/12/2011 và Nguyễn Thành Luân, sinh ngày 25/9/2013. Vấn đề cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003367 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Tiên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Tiên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

